

Bản án số: 1031/2019/DSPT

Ngày: 15/11/2019

V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quang

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Lê Thị Ngọc Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Thế Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 665/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 1239/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4931/2019/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 9370/2019/QĐ-PT, ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Đường C, Phường B, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Đường T, Phường M, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Trú tại: Đường Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2008 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:*

Bà có mở đại lý kinh doanh báo tên là D. Năm 1999, bà thuê ông Nguyễn Thanh V (bao ăn ở cùng bà tại địa chỉ Đường C, Phường B, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh), công việc của ông V là phụ giao báo và làm sổ sách chứng từ, thu tiền nợ bán báo cho bà.

Ngày 03/12/2007, bà định đi chữa bệnh, nên bà và ông V cùng thỏa thuận bằng miệng về việc bà sẽ bàn giao lại việc kinh doanh báo cho ông V. Lời, lỗ là do ông V tự chịu. Khi bàn giao việc kinh doanh báo thì bà có giao cho ông V 40.000.000 đồng để thanh toán tiền bà còn nợ báo của các Tòa soạn và Công ty. Tuy nhiên bà không nhớ lúc đó bà nợ tiền của các Tòa soạn báo nào và số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu.

Ông V kinh doanh được gần 01 tháng (từ ngày 03/12/2007 đến ngày 01/01/2008) thì ngày 01/01/2008, ông V thu tiền báo của các sạp báo rồi đi luôn.

Ngày 02/01/2008, bà có trình báo sự việc cho Công an Phường 4, Quận 3. Tại Công an Phường 4, Quận 3 ông V có làm bản tường trình xác nhận có nhận của bà 40.000.000 đồng để trả nợ, ngoài ra ông V còn khai đã trả nợ tiền báo cho bà là 87.000.000 đồng nhưng thực chất là không có.

Sau khi ông V bỏ đi, bà đã kiểm tra các sạp báo cũng như các tòa soạn báo thì biết ông V còn nợ một khoản tiền. Vì vậy, để tiếp tục việc kinh doanh thì bà phải đứng ra tự trả các khoản nợ này cho ông V mới có thể lấy báo mới để bán vì việc kinh doanh báo chủ yếu là gối đầu.

Sau khi trả nợ cho ông V xong, ngày 17/01/2008 bà đã làm hồ sơ khởi kiện ông V để yêu cầu ông V phải trả lại cho bà số tiền là 323.128.726 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng mà bà đưa cho ông V đi trả nợ.

Sau khi kiểm tra lại số nợ mà bà đã thay ông V trả thì nay bà chỉ yêu cầu ông V phải trả lại cho bà số tiền mà bà có hóa đơn, chứng từ, còn lại do không có hóa đơn nên mặc dù bà đã trả thay nhưng bà không yêu cầu. Cụ thể số tiền có hóa đơn như sau:

- Báo người lao động: 1.559.600 đồng (trả ngày 21/01/2008)
- Báo thanh niên: 4.143.360 đồng (trả ngày 23/01/2008)
- Báo phụ nữ Tp. Hồ Chí Minh: 3.315.000 đồng (trả ngày 25/01/2008)
- Báo pháp luật Tp. Hồ Chí Minh: 3.395.750 đồng (trả ngày 22/01/2008)
- Báo thể thao văn hóa: 860.200 đồng (trả ngày 11/02/2008)
- Báo Thế giới phụ nữ: 3.553.200 đồng (trả ngày 28/01/2008)
- Báo tiếp thị gia đình: 30.103.472 đồng (trả từ tháng 02/2008 đến tháng

06/2008).

- Báo tuổi trẻ: 5.649.800 đồng (trả ngày 28/01/2008)
- Báo Tiền phong: 2.601.860 đồng (trả ngày 30/12/2007).

Đối với các sạp báo tư nhân thì bà đã trả gồm:

- Ông Dương L: 12.280.386 đồng
- Ông Bùi Văn X: 1.970.640 đồng
- Ông Trương Văn T: 10.378.500 đồng
- Công ty phát hành P: 75.440.970 đồng
- Ông Lê Đình L: 6.868.000 đồng.

Tổng cộng là: 162.120.738 đồng + 40.000.000 đồng (tiền ông V đã nhận của bà) = 202.120.738 đồng.

Tuy nhiên, trong 01 tháng ông V kinh doanh, sau đó bỏ đi thì bà có thu tiền báo của một số người với số tiền là 29.737.104 đồng (bà N1 12.874.304 đồng, bà P 12.062.800 đồng, bà H 1.800.000 đồng, bà N2 3.000.000 đồng).

Số tiền này bà sẽ căn trừ vào số tiền ông V còn nợ bà như đã liệt kê ở trên. Vì vậy, số tiền còn lại là 172.383.634 đồng (202.120.738 đồng - 29.737.104 đồng = 172.383.634 đồng)

Ngoài ra, đối với số nợ của ông Nguyễn U (thực tế là của bà Nguyễn Ngọc Anh Đ là con của ông U kinh doanh), tổng cộng trong 01 tháng ông V kinh doanh từ ngày 03/12/2007 đến 01/01/2008 còn nợ là 103.750.600 đồng, trừ đi báo trả lại là 9.683.000 đồng. Sau khi ông V bỏ đi thì bà có trả góp được 46.235.200 đồng (tính luôn cả 9.683.000 đồng tiền báo trả lại), hiện vẫn còn nợ bà Đ là 47.832.400 đồng.

Như vậy, nay bà yêu cầu ông V phải trả cho bà số tiền như sau:

$$172.383.634 \text{ đồng} + 46.235.200 \text{ đồng} = 218.618.834 \text{ đồng}$$

Bà xác nhận trước ngày 03/12/2007, bà có nợ tiền của các Tòa soạn, Công ty và các đại lý báo là 277.151.617 đồng và số tiền nợ đã được ông V là người trực tiếp đi trả trong khoảng thời gian ông V kinh doanh từ ngày 03/12/2007 đến ngày 01/01/2008. Tuy nhiên số tiền 277.151.617 đồng là tiền của bà đưa cho ông V để trả nợ, không phải tiền của ông V.

Do số nợ của bà trước ngày 03/12/2007 và số nợ của ông V từ ngày 03/12/2007 đến ngày 01/01/2008 đều đã được thanh toán xong. Các Tòa soạn, Công ty, đại lý báo và các cá nhân đều không có tranh chấp gì nên bà đề nghị Tòa án không đưa Các Tòa soạn, Công ty, đại lý báo và các cá nhân trên vào tham gia tố tụng trong vụ án.

*Tại bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh V có ông Lê Văn M đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Từ năm 1999, bà L có thuê ông V làm công việc phụ giúp phân phối báo, bao ăn ở tại địa chỉ Đường C, Phường B, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh. Công việc kinh doanh của bà L là mua báo tại các Tòa soạn, Công ty, Đại lý lớn rồi đem bán cho các đại lý nhỏ, các chủ sạp bán lẻ để thu hoa hồng. Trong các loại báo mà bà L kinh doanh thì có loại phải trả tiền trước, nhưng chủ yếu là cho gói đầu, nghĩa là lấy báo trước đem bán rồi trả tiền sau.

Ngày 03/12/2007, do bà L không có khả năng trả nợ cho các Tòa soạn nên ông V và bà L thỏa thuận bà L bàn giao lại việc kinh doanh báo cho ông V. Lỗi, lỗi là do ông V tự chịu, tuy nhiên việc kinh doanh vẫn đứng tên bà L. Vì vậy ông V có về quê mượn 90.000.000 đồng để phục vụ việc kinh doanh. Khi bàn giao việc kinh doanh bà L có giao cho ông V 40.000.000 đồng để thanh toán tiền còn nợ cho các Tòa soạn vì bà L nói khả năng của bà chỉ còn 40.000.000 đồng và số nợ khoảng mấy chục triệu đồng. Tuy nhiên, trong 01 tháng ông V kinh doanh từ ngày 03/12/2007 đến ngày 01/01/2008 thì ông V mới phát hiện ra số nợ cũ tiền báo của bà L quá lớn và ông V đã phải đứng ra trả nợ thay cho bà L vì không trả nợ cũ thì ông V không có báo mới để bán.

Cụ thể số tiền ông V phải trả nợ thay cho bà L như sau:

- Công ty TNHH Phát hành P: 86.921.019 đồng (trả ngày 05/12/2007, 11/12/2007, 18/12/2007, 25/12/2007).

- Báo tiếp thị gia đình: 33.692.432 đồng (hóa đơn trả ngày 04/12/2007, 08/12/2007, 11/12/2007, 15/12/2007, 17/12/2007, 18/12/2007, 25/12/2007, 29/12/2007).

- Tòa soạn báo G: 1.100.665 đồng (biên lai ngày 18/12/2007)

- Báo tiền phong: 1.647.300 đồng (phiếu thu ngày 25/12/2007)

- Báo hoa học trò: 5.581.500 đồng (hóa đơn viết tay ngày 07/12/2007)

- Báo khoa học phổ thông: 2.789.530 đồng (trả nợ cho tháng 11/2007).

- Báo tiếng Hoa: 6.637.500 đồng (hóa đơn GTGT số 0097787, 0097829 ngày 29/9/2007).

- Báo tuổi trẻ: 6.182.800 đồng (trả ngày 04/12/2007)

- Báo phụ nữ: 1.108.800 đồng (trả ngày 04/12/2007).

- Báo thanh niên: 7.604.875 đồng (trả ngày 03/12/2007 và 04/12/2007)

- Ông Nguyễn U (bà Nguyễn Ngọc Anh Đ): 123.885.196 đồng (trả ngày 04/12/2007, 13/12/2007)

Tổng cộng: 277.151.617 đồng, trừ đi 40.000.000 đồng bà L đưa cho ông V trả nợ.

Như vậy, số tiền ông V đã trả nợ thay cho bà L trước ngày 03/12/2007 là 237.151.617 đồng (277.151.617 đồng – 40.000.000 đồng = 237.151.617 đồng).

Ông V xác nhận bà L đã trả tiền nợ từ ngày 03/12/2007 đến ngày

01/01/2008 thay ông V số tiền là 162.120.738 đồng và 46.235.200 đồng (trả cho bà Đ), tổng cộng là 208.355.938 đồng, trừ đi 29.737.104 đồng (bà L thu), còn lại số tiền là 178.618.834 đồng.

Lý do ông V không đồng ý trả lại tiền cho bà L vì ông V cũng đã phải thanh toán nợ cũ của bà L, số tiền này lớn hơn số tiền mà bà L đã trả thay ông V. Khi bà L bàn giao lại cho ông V kinh doanh thì ông V cũng biết bà L còn có nợ cũ của các báo nhưng không ngờ số nợ quá lớn, nên việc kinh doanh của ông V không có lãi, vì vậy ông mới trả lại việc kinh doanh cho bà L. Sau khi thanh toán nợ cũ cho bà L thì ông V có về báo miệng lại cho bà L biết để sau này bà L thanh toán lại cho ông V. Do đó ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 06/8/2009 ông V có làm đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà L phải thanh toán cho ông V số tiền là 50.677.575 đồng. Ngày 28/02/2011 ông V có làm đơn xin rút yêu cầu phản tố trên.

Ông V cũng đồng ý với ý kiến của bà L về việc số nợ của bà L trước ngày 03/12/2007 và số nợ của ông V từ ngày 03/12/2007 đến ngày 01/01/2008) đều đã được thanh toán xong. Các Tòa soạn, Công ty, đại lý báo và các cá nhân đều không có tranh chấp gì nên ông đề nghị Tòa án không đưa Các Tòa soạn, Công ty, đại lý báo và các cá nhân trên vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1239/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh V phải trả số tiền là 218.618.834 đồng.

**2.** Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh V về việc buộc bà Võ Thị L phải trả số tiền 50.677.575 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/10/2018 bà Võ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án số 1239/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh V phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L số tiền là 218.618.834 đồng

Bị đơn không kháng cáo và đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà L cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng từ hóa đơn sau khi cộng lại ra số tiền mà bà L trả thay cho ông V là 218.618.834 đồng, số tiền trả thay này đã được ông V thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2018.

Bị đơn ông V cũng đưa ra các chứng từ, hóa đơn ông trả thay cho bà L đối với khoản nợ trước khi bàn giao cho ông với số tiền là 277.151.617 đồng, sau khi trừ đi 40.000.000 đồng bà L đưa cho ông V đi trả nợ, thì ông V trả thay cho bà L số tiền 237.151.617 đồng, số tiền ông V trả thay cho bà L cũng được bà L xác nhận đây là khoản nợ của bà nhưng bà L cho rằng bà đưa tiền cho ông V đi trả nợ thay bà, bà L không có chứng cứ cho việc đưa tiền cho ông V đi trả thay, ông V chỉ thừa nhận số tiền 40.000.000 đồng bà L đưa. Như vậy, số tiền ông V bỏ ra để trả nợ thay cho bà L lớn hơn số tiền bà L bỏ ra trả thay cho ông V là có thật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 3, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị L.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn:

Theo thỏa thuận miệng giữa nguyên đơn bà Võ Thị L và bị đơn ông Nguyễn Thanh V thì từ ngày 03/12/2007 nguyên đơn bàn giao lại việc kinh doanh báo cho bị đơn theo hình thức gói đầu lờn ăn lỗ chịu và nguyên đơn có giao cho bị đơn số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để thanh toán nợ của nguyên đơn cho các đối tác (không rõ nợ ai, bao nhiêu tiền). Đến ngày 01/01/2008 thì bị đơn bỏ đi không kinh doanh nữa.

Để tiếp tục kinh doanh báo thì nguyên đơn phải trả nợ cũ của bị đơn trong khoảng thời gian đã kinh doanh từ 03/12/2007 đến 01/01/2008 cho các đối tác bị đơn số tiền là 178.618.834 đồng cùng với số tiền đưa trước là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 218.618.834 đồng. Đây chính là số tiền theo yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về ý kiến phản bác của bị đơn:

Để tiếp tục kinh doanh từ ngày 03/12/2007 đến 01/01/2008 thì bị đơn phải trả nợ của nguyên đơn phát sinh trước ngày 03/12/2007 cho các đối tác. Căn cứ vào các hóa đơn chứng từ bị đơn cung cấp (BL từ 36 đến 66) thì bị đơn đã thanh toán thay nguyên đơn số tiền là 277.151.617 đồng. Trong đó có 40.000.000 đồng là tiền nguyên đơn đưa, còn lại là tiền của bị đơn là 237.151.617 đồng.

Việc nguyên đơn cho rằng số tiền này là của nguyên đơn đưa cho bị đơn để trả nợ nhưng bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 03/12/2007 đến 01/01/2008 bị đơn kinh doanh bảo thì:

- Nguyên đơn phải trả nợ cho bị đơn phát sinh (sau ngày 01/01/2008) số tiền là 178.618.834 đồng.

- Bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn (trước ngày 03/12/2007) số tiền là 237.151.617 đồng.

Sau khi bù trừ nghĩa vụ trả tiền cho nhau thì nguyên đơn đang còn nợ tiền của bị đơn, do bị đơn không có yêu cầu nên không xét. Không phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bị đơn cho nguyên đơn như yêu cầu nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát kết luận phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1239/2018/DSST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí dân sự: Do nguyên đơn là bà Võ Thị L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi 2009 nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị L được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1239/2018/DSST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh V phải trả số tiền là 218.618.834 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh V về việc buộc bà Võ Thị L phải trả số tiền 50.677.575 đồng.

- Về án phí: Bà Võ Thị L được miễn án phí.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.945.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 002138 ngày 17/01/2008 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.455.471 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 007794 ngày 06/8/2009 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Quang**